

Số: /BC-SNN

Bình Định, ngày tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả giao nhận quản lý, khai thác các hồ chứa, đập dâng theo Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

Thực hiện Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định, Sở Nông nghiệp và PTNT đã giao Chi cục Thủy lợi tổ chức, phối hợp Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi (sau đây gọi tắt là Công ty), Tổ công tác của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các Hợp tác xã quản lý công trình bàn giao và tiếp nhận các công trình thủy lợi theo danh mục phân cấp về cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh quản lý; Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Những nội dung cơ bản theo Quyết định 64/2020/QĐ-UBND

- Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định tiếp nhận 52 hồ chứa lớn, 4 đập dâng, 41 kênh tiêu liên huyện, liên xã và một phần hệ thống kênh tưới Thượng Sơn.

- Xác định điểm giao nhận giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giữa bên giao sản phẩm là Công ty và bên nhận là các Tổ chức thủy lợi cơ sở đối với các công trình giao nhận quản lý, khai thác từ địa phương sang Công ty.

- Thành lập và củng cố Tổ chức thủy lợi cơ sở.

II. Tình hình thực hiện Quyết định 64/2020/QĐ-UBND và khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện đến nay

1. Kết quả giao nhận quản lý, khai thác công trình thủy lợi

- Về cơ bản Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chấp hành Quyết định 64/2020/QĐ-UBND tỉnh, đã thống nhất bàn giao công trình thủy lợi cho Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định nhận khai thác được 50/52 hồ chứa và 4/4 đập dâng. Tuy nhiên, chỉ có 48/52 hồ chứa, 2/4 đập dâng đã ký biên bản giao nhận.

- Hồ sơ công trình bàn giao và tiếp nhận: 10 công trình có đủ hồ sơ kỹ thuật; 23 công trình không đầy đủ hồ sơ kỹ thuật; 15 công trình không có hồ sơ kỹ thuật.

Các hồ chứa không có hồ sơ kỹ thuật, hoặc không đầy đủ hồ sơ kỹ thuật; đặc biệt không có đường đặc tính lòng hồ sẽ rất khó khăn và bị động trong việc quản lý nguồn nước và điều tiết nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

- Nguyên nhân các công trình chưa ký giao công trình như sau:

(i) hồ Cây Sung, hồ Ông Ròng là loại hồ nhỏ; do nhầm lẫn trong tiêu chí phân loại hồ quy định tại Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ được phân loại lớn, nên địa phương đề nghị giữ lại;

(ii) hồ Ân Đôn và hồ Đá Bàn thuộc xã Ân Phong, Hoài Ân chưa ký bàn giao là do chính quyền địa phương đưa ra yêu cầu về hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi công ích;

(iii) đập Cây Dừa và đập Lạc Trường thuộc phường Nhơn Bình chưa ký giao là do các hợp tác xã đưa ra yêu cầu về hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi công ích; yêu cầu về hoàn trả tiền do trước đây hợp tác xã và nhân dân góp công, góp của đầu tư vào công trình.

2. Kết quả xác nhận điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi

Điểm giao, nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi được xác định dựa trên cơ sở quy định của pháp luật và được thống nhất giữa bên giao và bên nhận. Tại điểm giao nhận đến công trình đầu mối do Công ty quản lý và được hưởng từ nguồn hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi của Trung ương cấp; từ điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ đến mặt ruộng do tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý và được hưởng từ nguồn đóng góp của các thành viên sử dụng nước trong tổ chức thủy lợi cơ sở.

Có 30 hồ chứa đã ký biên bản giao nhận hồ chứa và ký thống nhất điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi; có 18 hồ chứa đã ký biên bản giao nhận hồ chứa và không ký thống nhất vị trí điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi; có 02 hồ chứa chưa ký biên bản giao nhận hồ chứa và không ký thống nhất vị trí điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi; có 4 đập dâng (Cây Dừa, Lạc Trường, Phú Hòa, Phú Xuân thuộc thành phố Quy Nhơn); cụ thể các hồ: Huyện Hoài Ân, còn lại 05 hồ chứa gồm hồ Mỹ Đức, Hóc Mỹ, Kim Sơn, Ân Đôn, Đá Bàn (Ân Phong); thị xã Hoài Nhơn, còn lại 04 hồ chứa gồm hồ Mỹ Bình, An Đỗ, Suối Mới, Hố Giang; huyện Phù Mỹ, còn lại 06 gồm hồ Chí Hòa 2, hồ Đại Sơn, hồ Trung Sơn, hồ Chòi Hiền, hồ Hóc Mít, hồ Đá Bàn (xã Mỹ An); huyện Phù Cát, còn lại 02 hồ chứa gồm hồ Hố Xoài, Cửa Khâu; huyện Tây Sơn, còn lại hồ Hòn Gà.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố thống nhất phương pháp xác định vị trí điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi, và có văn bản số 1216/SNN-TL ngày 11/6/2021 hướng dẫn thực hiện.

Vấn đề khó khăn nhất các hợp tác xã có dịch vụ thủy lợi không còn nguồn hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi của nhà nước; phí thủy lợi nội đồng do UBND tỉnh ban hành quá thấp và không thu được.

3. Thành lập và củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở

Mặc dù Quyết định 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 quy định đến ngày 28/9/2021 các tổ chức thủy lợi cơ sở phải được thành lập và củng cố, nhưng đến nay chưa được UBND cấp huyện quan tâm thực hiện.

Tính đến nay, toàn tỉnh có 134 Hợp tác xã có dịch vụ thủy lợi nhưng chưa được củng cố theo hình thức tổ chức thủy lợi cơ sở. Thực tế hoạt động thủy lợi nội đồng chưa hiệu quả, đưa nước vào ruộng không kịp thời; một số vùng tạo những đợt thiếu nước giả; không tổ chức tu bổ, nạo vét kênh mương định kỳ; chưa thể áp dụng biện pháp tưới tiết kiệm nước.

4. Các vấn đề khó khăn trong việc bàn giao công trình

a) Xác định điểm giao nhận sản phẩm và thành lập tổ chức thủy lợi cơ sở

Công trình thủy lợi Bình Định được đầu tư xây dựng bằng nhiều hình thức gồm: Nhà nước đầu tư; nhân dân đầu tư nhà nước hỗ trợ; nhà nước và nhân dân cùng làm; nhân dân đầu tư thông qua hợp tác xã. Sau đầu tư, một số mô hình tổ chức quản lý khai thác công trình được hình thành: Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi; Ủy ban nhân dân xã; Hợp tác xã nông nghiệp có dịch vụ thủy lợi. Nguồn thu chính của các tổ chức là hỗ trợ cấp bù giá sản phẩm dịch vụ công ích của Nhà nước; còn nguồn thu nữa là dịch vụ thủy lợi nội đồng do nông dân đóng góp (nguồn thu này không ổn định và có nơi không thu được).

Sau khi Quyết định 64/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh có hiệu lực, các công trình hồ chứa lớn, một số hồ chứa vừa, một số đập dâng có liên quan đến điều tiết nước cho hệ thống được chuyển giao về Công ty TNHH Khai thác công trình quản lý, khai thác. Theo quy định, từ điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ trở lên đến đầu mỗi thì ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đơn vị được giao quản lý, từ điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ đến mặt ruộng thì nguồn thu từ giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi nội đồng do các thành viên sử dụng nước đóng góp. Chính từ đây, việc xác định điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi trở thành vấn đề khó khăn nhất; bên cạnh đó, do hồ sơ quản lý vốn, tài sản không còn nên không xác định được nguồn gốc hình thành tài sản, giá trị còn lại tài sản.

Thành lập và củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ hợp tác dùng nước: Chính quyền địa phương, hợp tác xã không tha thiết, mặn mà thành lập và củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ hợp tác dùng nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá thủy lợi nội đồng quá thấp, không đủ chi phí.

b) Một số địa phương và Công ty chưa ký hợp đồng điện tích tưới, tiêu

Hiện còn lại 11 đơn vị dùng nước thuộc 08 hồ chứa nằm trên địa bàn của 02 huyện/thị xã Hoài Ân và Hoài Nhơn và 01 đập dâng Phú Hòa (TP. Quy Nhơn) có tổng diện tích tưới cả năm là 3.374,23ha chưa thống nhất hợp đồng tưới, tiêu năm 2021, với các lý do:

- Hồ Hồ Giang (Hoài Nhơn), HTX Hoài Châu đưa ra lý do: Công ty phải chi trả lại 80% kinh phí bơm chống hạn cho HTX (02 công lấy nước Bắc và Nam cao trình ngưỡng cống cao hơn mực nước chết, gần cuối vụ Hè Thu mực nước hồ xuống thấp hơn cao trình ngưỡng cống phải vận hành máy bơm), nên chưa ký hợp đồng.

- Hồ Suối Mới, Cây Khế, Mỹ Bình (Hoài Nhơn) và Hóc Mỹ (Hoài Ân), các HTX chưa ký hợp đồng tưới, với lý do: Chờ tỷ lệ phân chia % kinh phí dịch vụ thủy lợi.

- Hồ Kim Sơn (Hoài Ân), HTX Ân Nghĩa đưa ra lý do: Chờ ý kiến phòng Nông nghiệp và PTNT huyện về điểm giao nhận SPDVTL nên chưa ký hợp đồng.

- Hồ Phú Thuận (Hoài Ân), các HTX Ân Đức I và II (đã thống nhất điểm giao nhận SPDVTL) nhưng chưa ký hợp đồng tưới, lý do: Chờ tỷ lệ % điểm giao nhận sản phẩm, khi khô hạn ai chịu trách nhiệm chạy máy bơm, kinh phí ai chi trả.

- Hồ Thạch Khê (Hoài Ân), có 3 HTX thuộc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện Hoài Ân quản lý (đã thống nhất điểm giao nhận SPDVTL) nhưng chưa ký hợp đồng tưới, lý do: Chờ UBND huyện Hoài Ân tổ chức cuộc họp quyết định.

- Đập dâng Phú Hòa (TP. Quy Nhơn): HTX Nhơn Phú II đưa ra lý do: Khi nắng hạn mực nước trước đập xuống thấp không đảm bảo tưới tự chảy, địa phương phải cho vận hành máy bơm và yêu cầu Công ty chi trả kinh phí vận hành máy bơm cho HTX.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Công ty thực hiện quyền, trách nhiệm của của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi được quy định tại Điều 54 của Luật thủy lợi và áp dụng Điều 39 của Luật Thủy lợi trong việc phân chia nguồn tiền thu từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để thỏa thuận với Tổ chức thủy lợi cơ sở. Trong đó, Công ty phối hợp các địa phương để ký hợp đồng tưới và thực hiện các bước chi trả kinh phí nạo vét kênh mương, nhân công quản lý, vận hành theo đề xuất của Công ty tại văn bản số 346/ BC-KTCTTL ngày 14/7/2021, riêng đối với chi phí bơm nước chống hạn cuối vụ Hè Thu ở hồ Hồ Giang, Suối Mới tiếp tục thỏa thuận với các HTX để xác định chi phí và chi trả theo thực tế hoặc tính quy đổi diện tích tạo nguồn bơm.

III. Kiến nghị

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt Quyết định 64/2020/QĐ-UBND đến UBND các xã, phường, thị trấn có liên

quan đến công tác bàn giao công trình thủy lợi và xác định điểm giao nhận sản phẩm; thống nhất điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi với Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi, làm cơ sở ký kết hợp đồng dùng nước. Thời gian hoàn thành trước tháng 11 năm 2021.

2. Giao Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện định mức kinh tế kỹ thuật đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 để các chủ thể khai thác công trình thủy lợi các địa phương áp dụng;

Hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ phương pháp xác định giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi công ích và dịch vụ khác thủy lợi cho các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi ở địa phương.

3. Cho phép các chủ thể khai thác công trình thủy lợi các địa phương vận dụng định mức kinh tế kỹ thuật kỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt để xây dựng giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi

4. Việc thu phí nội đồng dựa trên cơ sở thống nhất mức đóng góp của các thành viên tổ chức thủy lợi cơ sở (theo điểm b khoản 2 Điều 29 Thông tư 05/2018/BNNPTNT) để bảo đảm chi cho các hoạt động quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi nội đồng.

Theo Quyết định số 83/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh về Ban hành giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi; trong đó, tại điểm c khoản 2 của phụ lục quy định:” *Tùy theo tình hình thực tế về hệ thống kênh mương nội đồng của từng địa phương, các đơn vị quản lý thủy nông đưa ra Đại hội xã viên (hoặc Đại hội thành viên) quyết định đơn giá cụ thể nhưng không được vượt mức quy định tại điểm a điểm b nêu trên.*”

Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh cho chủ trương xây dựng định mức quản lý, khai thác thủy lợi nội đồng, giao Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi chủ trì, phối hợp với các bên liên quan thực hiện, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành, làm cơ sở xác định giá trần, khuyến khích các tổ chức thủy lợi cơ sở duy trì, hoạt động ổn định và phát triển.

5. Có một số hồ chứa đến nay không còn làm nhiệm vụ cung cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, do có hệ thống công trình thủy lợi khác thay thế. Công trình không có chủ thể khai thác rõ ràng, không có kinh phí để bảo trì, công trình xuống cấp, dễ bị sự cố vào mùa mưa lũ. Kính đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện thống kê và đề xuất đưa ra khỏi danh mục hồ chứa do nhà nước quản lý an toàn đập; đồng thời đề xuất thay đổi mục đích sử dụng công trình thủy lợi được quy định tại Điều 47 Luật Thủy lợi để Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo, (ví dụ như các hồ chứa nước, không còn làm nhiệm vụ tưới do các hệ

thông thủy lợi khác thay thế ở hồ Bàu Năng, Lỗ Ôi, huyện Tây Sơn; hồ Hóc Sanh huyện Phù Cát, trong tương lai có hồ Đèo Cánh huyện An Lão).

6. Cho chủ trương điều chỉnh Quyết định phân cấp quản lý, khai thác quản lý công trình thủy lợi cho phù hợp với Quyết định số 2811/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tế khai thác công trình và xác định các điểm giao nhận sản phẩm.

7. Cho chủ trương đề thực hiện lập định mức kinh tế kỹ thuật cho từng công trình đối với các công trình thoát lũ, ngăn mặn, giữ ngọt gồm hệ thống đê ngăn mặn khu Đông; các đập ngăn mặn Phú Hòa, Phú Xuân, Cây Dừa, Lạc Trường, Văn Mối, Đức Phổ, Lại Giang... để làm cơ sở xây dựng giá và xác định mức hỗ trợ của ngân sách tỉnh chi trả theo quy định khoản 3 Điều 12 Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

8. Tổ chức họp các đơn vị liên quan để tháo gỡ và cho ý kiến chỉ đạo các về việc các Hợp tác xã nông nghiệp không ký hợp đồng nhận dịch vụ tưới tiêu với Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định năm 2021.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công ty TNHH Khai thác CTTL (để thực hiện);
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở Hồ Đắc Chương;
- Lưu: VT, CCTL.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Đắc Chương

Phụ lục I
TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH CHƯA THỐNG NHẤT
KÝ BIÊN BẢN XÁC NHẬN ĐIỂM GIAO NHẬN SẢN PHẨM DỊCH VỤ THỦY LỢI

TT	Công trình	Các đơn vị nhận sản phẩm dịch vụ	Điểm giao nhận SPDVTL	Ghi chú
1	Mỹ Đức (Hoài Ân)	Ân Mỹ	Chưa thống nhất	
2	Hóc Mỹ (Hoài Ân)	Ân Hữu I và II	Chưa thống nhất	Chưa hợp đồng
3	Kim Sơn (Hoài Ân)	Ân Nghĩa	Chưa thống nhất	Chưa hợp đồng
4	Phú Thuận (Hoài Ân)	Ân Đức I và II		Chưa hợp đồng
5	Thạch Khê (Hoài Ân)	Ân Tường, Ân Tường Đông và Ân Đức I		Chưa hợp đồng
6	Mỹ Bình (Hoài Nhơn)	Hoài Phú	Chưa thống nhất	Chưa hợp đồng
7	An Đỗ (Hoài Nhơn)	Hoài Sơn	Chưa thống nhất	
8	Suối Mới (Hoài Nhơn)	Hoài Châu Bắc	Chưa thống nhất	Chưa hợp đồng
9	Hố Giang (Hoài Nhơn)	Hoài Châu	Chưa thống nhất	Chưa hợp đồng
10	Cây Khế (Hoài Nhơn)	Hoài Mỹ		Chưa hợp đồng
11	Chí Hòa 2 (Phù Mỹ)	Mỹ Hiệp I	Chưa thống nhất	
12	Đại Sơn (Phù Mỹ)	Mỹ Hiệp (II+III)	Chưa thống nhất	
13	Trung Sơn (Phù Mỹ)	Mỹ Trinh	Chưa thống nhất	

TT	Công trình	Các đơn vị nhận sản phẩm dịch vụ	Điểm giao nhận SPDVTL	Ghi chú
14	Chòi Hiên (Phù Mỹ)	Mỹ Chánh Tây	Chưa thống nhất	
15	Hóc Mít (Phù Mỹ)	Mỹ Chánh Tây	Chưa thống nhất	
16	Đá Bàn (Phù Mỹ)	Mỹ An	Chưa thống nhất	
17	Hố Xoài (Phù Cát)	Cát Tài	Chưa thống nhất	
18	Cửa Khâu (Phù Cát)	Cát Tường	Chưa thống nhất	
19	Hòn Gà (Tây Sơn)	Bình Thành	Chưa thống nhất	
20	Đập dâng Phú Hòa (TP.Quy Nhơn)	Nhơn Phú 1		Chưa hợp đồng
	Tổng còn lại các hồ chứa chưa thống nhất		18 đơn vị/16hồ	11 đơn vị/8hồ

Phụ lục II
TỔNG HỢP ĐIỂM GIAO NHẬN SẢN PHẨM DỊCH VỤ THỦY LỢI ĐÃ THỐNG NHẤT
KÝ BIẾN BẢN XÁC NHẬN ĐIỂM GIAO NHẬN SẢN PHẨM DỊCH VỤ THỦY LỢI

Số TT	Tên hệ thống tưới	Số đơn vị dùng nước	Số điểm giao nhận SP, DVTL (điểm)	Chiều dài kênh (m)	Diện tích (ha/vụ)	Tên đơn vị dùng nước	Ghi chú
HT1	Hồ Tường Sơn	1,0	11,0	3.186,0	286,83	HTX Cát Tường	
HT2	Hồ Thạch Bàn	1,0	6,0	1.742,0	92,99	HTX Cát Sơn	
HT3	Hồ Hóc Cau	1,0	9,0	2.160,5	70,38	HTX Cát Hạnh 3	
HT4	Hồ Bờ Sề	1,0	9,0	835,0	59,39	HTX Cát Hạnh 3	
HT5	Hồ Mỹ Thuận	1,0	19,0	5.202,0	319,65	HTX Cát Hưng	
HT6	Hồ Chánh Hùng	1,0	37,0	4.921,5	262,00	HTX Cát Thành	
HT7	Hồ Tân Thắng	1,0	8,0	916,0	50,00	HTX Cát Hải	
HT8	Hồ Phú Đông	1,0	1,0	0,0	65,58	HTX Cát Khánh	
HT9	Hồ Đại Ân	1,0	18,0	1.599,0	24,00	HTX Cát Nhơn	
HT10	Hồ Suối Chay	1,0	7,0	2.838,0	283,00	HTX Cát Trinh I	
HT11	Hồ Phú Hà	1,0	4,0	2.637,7	120,58	UBND xã Mỹ Đức	
HT12	Hồ Diêm Tiêu	4,0	33,0	9.664,0	457,22	UB TT Phù Mỹ; HTX Mỹ Hiệp II-III; HTX Mỹ Quang; HTX Mỹ Trinh	
HT13	Hồ Hóc Nhạn	1,0	37,0	5.627,0	312,18	HTX Mỹ Thọ	
HT14	Hồ Suối Sỏ	1,0	19,0	3.885,0	365,05	HTX Mỹ Phong	
HT15	Hồ Vạn Định	1,0	9,0	2.066,5	270,00	HTX Mỹ Lộc	

Số TT	Tên hệ thống tưới	Số đơn vị dùng nước	Số điểm giao nhận SP, DVTL (điểm)	Chiều dài kênh (m)	Diện tích (ha/vụ)	Tên đơn vị dùng nước	Ghi chú
HT16	Hồ Cây Sung	1,0	8,0	1.555,0	210,25	HTX Mỹ Lộc	
HT17	Hồ An Tường	1,0	8,0	2.092,0	115,40	HTX Mỹ Lộc	
HT18	Hồ Hóc Hòm	1,0	1,0	0,0	0,00	TT Giống NN TS BĐ	
HT19	Hồ Hội Khánh	1,0	27,0	8.721,0	393,95	HTX Mỹ Hòa	
HT20	Hồ Tây Dâu	1,0	8,0	1.269,0	53,45	HTX Mỹ Hoà	
HT21	Hồ Đập Lồi	1,0	12,0	2.230,0	155,14	HTX Mỹ Hoà	
HT22	Hồ Trinh Vân	1,0	27,0	4.187,0	280,59	HTX Mỹ Trinh	
HT23	Hồ Sông Vó	2,0	17,0	7.350,0	179,37	UBND TT An Lão: HTX An Tân.	
HT24	Hồ Phú Thuận	2,0	10,0	2.894,0	80,10	HTX Ân Đức I; HTX Ân Đức II.	
HT25	Hồ Thạch Khê	3,0	36,0	11.400,0	274,80	HTX Ân Tường Đông, HTX Ân Tường I, HTX Ân Đức I	
HT26	Hồ Hóc Cau	1,0	7,0	1.150,0	21,30	HTX Hoài Đức	
HT27	Hồ Văn Khánh Đức	1,0	28,0	2.810,0	190,92	HTX Hoài Đức	
HT28	Hồ Cây Khê	1,0	20,0	4.000,0	146,00	HTX Hoài Mỹ	
HT29	Hồ Cây Da	1,0	6,0	400,0	44,06	HTX Phước Thành	
HT30	Hồ Cây Thích	1,0	1,0	1.273,0	78,06	HTX Phước Thành	
HT31	Hồ Hóc Ké	1,0	1,0	918,0	73,40	HTX Phước An	
HT32	Đập Phú Hòa	1,0	9,0	1.000,0	122,00	HTX Nhơn Phú II	

Số TT	Tên hệ thống tưới	Số đơn vị dùng nước	Số điểm giao nhận SP, DVTL (điểm)	Chiều dài kênh (m)	Diện tích (ha/vụ)	Tên đơn vị dùng nước	Ghi chú
HT33	Đập Phú Xuân	0,0	0,0	0,0	0,00	Không có biên bản giao nhận với HTX Nhơn Phú I	Không có điểm giao nhận
	Tổng cộng	39,00	453,00	100.529,2	5.457,64		

Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÁC HỒ CHỨA PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CỦA QUYẾT ĐỊNH 64/2020/QĐ-UBND NGÀY 17/9/2020 THEO QUYẾT ĐỊNH PHÂN LOẠI HỒ CHỨA SỐ 2811/QĐ-UBND NGÀY 05/7/2021

TT	Tên hồ chứa/Hệ thống hồ chứa	Địa điểm xây dựng	Phân loại hồ theo Quyết định 3293/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	Điều chỉnh phân loại hồ theo Quyết định 2811/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo Quyết định 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	Đề xuất điều chỉnh phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo Quyết định 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	Ghi chú
1	Hồ Kim Sơn	Ân Nghĩa - Hoài Ân	Lớn	Vừa	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân	
2	Hồ Hóc Mỹ	Ân Hữu - Hoài Ân	Lớn	Vừa	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân	
3	Hồ Giao Hội	Hoài Tân - Hoài Nhơn	Lớn	Vừa	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện Hoài Nhơn	
4	Hồ Suối Mới	Hoài Châu - Hoài Nhơn	Lớn	Nhỏ	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện Hoài Nhơn	
5	Hồ Núi Miếu	Mỹ Lợi - Phù Mỹ	Vừa	Lớn	Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ	Ủy ban nhân dân tỉnh	
6	Hồ Hố Cùng	Mỹ Thọ - Phù Mỹ	Nhỏ	Lớn	Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ	Ủy ban nhân dân tỉnh	
7	Hồ Ông Ròng	Mỹ Hòa - Phù Mỹ	Lớn	Nhỏ	Ủy ban nhân dân huyện tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ	

TT	Tên hồ chứa/Hệ thống hồ chứa	Địa điểm xây dựng	Phân loại hồ theo Quyết định 3293/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	Điều chỉnh phân loại hồ theo Quyết định 2811/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo Quyết định 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	Đề xuất điều chỉnh phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo Quyết định 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	Ghi chú
8	Hồ Tam Sơn	Cát Lâm - Phù Cát	Vừa	Lớn	Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát	Ủy ban nhân dân tỉnh	
9	Hồ Đại Ân (Hố Dội)	Cát Nhơn - Phù Cát	Lớn	Nhỏ	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát	
10	Hồ Hóc Ké (Cây Ké)	Phước An - Tuy Phước	Lớn	Nhỏ	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước	
11	Hồ Cây Sung	Bình Tường-Tây Sơn	Lớn	Nhỏ	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn	
12	Hệ thống hồ Diêm Tiêu (hồ Diêm Tiêu, đập dâng Cầu Sắt, đập Bông 3 và Bông 4)	Thị trấn Phù Mỹ			Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ	Ủy ban nhân dân tỉnh	
13	Hệ thống hồ Mỹ Thuận (hồ Mỹ	Cát Hưng- Phù Cát			Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát	Ủy ban nhân dân tỉnh	

TT	Tên hồ chứa/Hệ thống hồ chứa	Địa điểm xây dựng	Phân loại hồ theo Quyết định 3293/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	Điều chỉnh phân loại hồ theo Quyết định 2811/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo Quyết định 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	Đề xuất điều chỉnh phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo Quyết định 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	Ghi chú
	Thuận, đập dâng Chín Sào)						
	Hệ thống hồ Hội Khánh (hồ Hội Khánh, đập Ông Tân, kênh chuyển nước)	Mỹ Hòa- Phù Mỹ			Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ	Ủy ban nhân dân tỉnh	